

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH N**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 60/2021/HS-ST
Ngày 27 tháng 9 năm 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH N**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Hữu Q.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Hà Xuân N, ông Hoàng Quốc Tr

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: ông Đoàn Thanh M, là Thư ký Toà án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh N tham gia phiên tòa: ông Vũ Văn D - Kiểm sát viên.

Ngày 27/9/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện G, tỉnh N, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 55/2021/TLST- HS ngày 24/8/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2021/QĐXXST- HS ngày 13 tháng 9 năm 2021, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị H, tên gọi khác: không, sinh năm 1988 tại xã L, huyện M, thành phố H.

Nơi cư trú: đội 2 L, xã L, huyện M, thành phố H; nghề nghiệp: làm ruộng; giới tính: nữ; trình độ văn hóa: lớp 8/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Bá V và bà Phạm Thị Nh; có chồng là Trương Văn S và 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không; biện pháp ngăn chặn: cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam ngày nào. Có mặt.

Bị hại: vợ chồng ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1965 - bà Đinh Thị Th, sinh năm 1970. Ông T vắng mặt - có đơn xin xử vắng mặt, bà Th vắng mặt.

Đều trú tại: thôn Tr, xã G, huyện G, tỉnh N.

Người làm chứng: chị Nguyễn Thị Hồng Th. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị H là công nhân làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Giấy Ever Great International có trụ sở tại cụm công nghiệp G, xã G, huyện G, tỉnh N, H thuê phòng trọ tại gia đình nhà bà Trần Thị Th, sinh năm 1988, trú tại thôn Ph, xã G,

huyện G. Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 04/6/2021, H đi bộ từ phòng trọ của mình đến quán tạp hoá “T Trường” của gia đình ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1965, trú tại thôn Tr, xã G, huyện G, tỉnh N để mua đồ dùng sinh hoạt cá nhân. Trong quá trình tìm hàng hoá để mua, H nhìn thấy 01 chiếc ví bằng vải thổ cẩm màu đen, có hoa văn kích thước (15x20)cm của ông T để trên tủ đựng tiền trong quầy bán hàng, nên H đã nảy sinh ý định trộm cắp. Lợi dụng lúc quán tạp hoá đông người, ông T không quan sát được, nên H đi vào phía trong kệ bán hàng, lén lút dùng tay trái cầm chiếc ví bằng vải, H chuyển ví sang tay phải đưa lên kẹp vào nách bên trái, rồi kéo khoá áo chống nắng lên để cất giấu, H tiếp tục mua hàng, thanh toán tiền rồi đi về. Sau đó, H thuê xe ôm đi đến thị trấn Me, huyện G để chơi, trên đường đi H mở chiếc ví ra kiểm tra bên trong có số tiền 11.000.000 đồng, H bỏ số tiền trên vào túi quần, còn chiếc ví H vứt xuống rìa đường, số tiền trên H chưa chi tiêu. Sau khi phát hiện sự việc, do nghi ngờ Nguyễn Thị H trộm cắp tài sản của mình, ông Nguyễn Thanh T đã trình báo sự việc, đề nghị Cơ quan điều tra, xác minh làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/6/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã triệu tập Nguyễn Thị H để làm việc. Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thị H đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Ngày 16/6/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã ra Yêu cầu định giá tài sản số 133/YC-CSĐT, xác định giá trị của 01 chiếc ví vải màu đen có hoa văn thổ cẩm kích thước (15x20)cm.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 55/KLĐG-HĐ ngày 28/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện G, kết luận: 01 chiếc ví vải màu đen có hoa văn thổ cẩm kích thước (15x20)cm trị giá 50.000 đồng.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị H đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội nêu trên của mình.

Tại Bản cáo trạng số 60/CT-VKS-GV ngày 23/8/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố Nguyễn Thị H ra trước Tòa án nhân dân huyện G để xét xử về tội “trộm cắp tài sản”, theo khoản 1, 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự (BLHS).

Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại gì về kết luận định giá và Bản cáo trạng nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện G thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Thị H như nội dung Bản cáo trạng. Sau khi luận tội đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 09 (chín) tháng tù đến 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 (mười tám) đến 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Nguyễn Thị H cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện M, thành phố H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Tại phiên tòa bị cáo nhận tội và không có ý kiến tranh luận gì. Được nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị HĐXX cho bị cáo cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng Hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Phân tích các chứng cứ xác định có tội: Tại phiên tòa bị cáo H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo cùng các chứng cứ khác thể hiện rõ: Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 04/6/2021, H đi đến quán tạp hoá “T Trường” của gia đình ông bà Nguyễn Thanh T - Đinh Thị Th để mua hàng. Trong quá trình tìm hàng hoá để mua, H nhìn thấy 01 chiếc ví bằng vải thổ cẩm màu đen, có hoa văn kích thước (15x20)cm của ông T để trên tủ đựng tiền trong quầy bán hàng, nên H đã nảy sinh ý định chiếm đoạt. Lợi dụng lúc quán tạp hoá đông người, ông T không quan sát được, nên H đi vào phía trong kệ bán hàng, dùng tay trái cầm chiếc ví bằng vải, H chuyển ví sang tay phải đưa lên kẹp vào nách bên trái, kéo khoá áo chống nắng lên để cất giấu, rồi đi về. Như vậy, rõ ràng bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc ví bằng vải của ông bà Nguyễn Thanh T - Đinh Thị Thanh bên trong có số tiền 11.000.000 đồng, trị giá chiếc ví bằng vải là 50.000 đồng đúng như kết luận định giá tài sản và Bản cáo trạng đã mô tả nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, với lời khai của người tham gia tố tụng khác, với vật chứng của vụ án đã được thu giữ và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã phạm tội “trộm cắp tài sản”. Căn cứ tính chất, mức độ, nhân thân của bị cáo và số tiền mà bị cáo chiếm đoạt, Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo theo khoản 1, 5 Điều 173 của BLHS là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản.

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...
5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

3]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo gây tâm lý hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu tới tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

[4]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và là người có nhân thân tốt.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: *“người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả”*, *“người phạm tội thành khẩn khai báo”* và *“phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”* quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Trên cơ sở các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét bị cáo là người có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục cũng đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình, xã hội đồng thời góp phần răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Xét điều kiện hoàn cảnh bản thân của bị cáo H còn PH nuôi con nhỏ nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là thỏa đáng.

[7]. Về trách nhiệm dân sự.

Đối với số tiền 11.000.000 đồng và chiếc ví vải màu đen có hoa văn thổ cẩm kích thước (15x20)cm trị giá 50.000 đồng mà Nguyễn Thị H trộm cắp tại quán tạp hoá của vợ chồng ông bà Nguyễn Thanh T – Đinh Thị Th. Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo H đã tự nguyện trả lại cho ông T và bà Th số tiền 11.000.000 đồng. Sau khi nhận số tiền trên, ông T, bà Th không yêu cầu bị cáo H phải bồi thường gì thêm nên phần trách nhiệm dân sự Tòa không xét.

[8]. Về xử lý vật chứng:

Đối với chiếc ví vải màu đen có hoa văn thổ cẩm kích thước (15x20)cm. Quá trình điều tra xác định, chiếc ví trên là tài sản của ông Nguyễn Thanh T. Sau khi trộm cắp được tài sản, H đã vứt chiếc ví trên ở khu vực gần cổng làng Bích Sơn, xã G, huyện G, tỉnh N. Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu hồi được nên không có căn cứ để xử lý.

[9] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên đây:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 BLHS; Điều 136 BLTTHS, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội "trộm cắp tài sản". Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 12(mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo phải thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 87 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Giao bị cáo Nguyễn Thị H cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện M, thành phố H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát người đó. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát, giáo dục bị cáo được thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

3. Về án phí: buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Người phải thi hành án, người được thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án, hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N;
 - VKSND tỉnh N;
 - VKSND huyện G;
 - Trại tạm giam CA tỉnh N;
 - Công an huyện G;
 - Chi cục THADS huyện G;
 - Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
 - Lưu HS, VP;
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Q